

**THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆC HỌC KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ NĂNG LỰC GIAO TIẾP GIỮA CÁC CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Duy Tân

**TÓM TẮT**

**Mục tiêu:** Đánh giá thực trạng thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế mô tả cắt ngang được tiến hành với cỡ mẫu là 219 sinh viên điều dưỡng của Trường Đại học Duy Tân từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021. Sử dụng 2 bộ công cụ là thái độ về việc học kỹ năng giao tiếp (CSAS) và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân (ICCS). **Kết quả:** Sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực (PAS) đối với việc học kỹ năng giao tiếp ở mức cao ( $52,4 \pm 6,0$ ) và thái độ tiêu cực (NAS) đối với việc học kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình ( $36,9 \pm 8,8$ ). Sinh viên điều dưỡng có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ở mức trung bình ( $102,83 \pm 11,59$ ). Có mối liên quan giữa các yếu tố năm học, giới tính, xếp loại học tập, từng giữ chức vụ trong lớp, tham gia các hoạt động ngoại khóa, tự tìm hiểu và nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp với thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp của sinh viên ( $p < 0,05$ ). Có mối liên quan giữa các yếu tố xếp loại học tập, nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp với năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên ( $p < 0,05$ ). **Kết luận:** Sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực ở mức cao và thái độ tiêu cực ở mức trung bình đối với việc học kỹ năng giao tiếp. Cần có những biện pháp hỗ trợ để cải thiện năng lực giao tiếp giữa các cá nhân cho sinh viên.

**Từ khóa:** Sinh viên điều dưỡng, thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp, năng lực giao tiếp giữa các cá nhân

**ATTITUDES TOWARDS LEARNING COMMUNICATION SKILLS AND INTERPERSONAL COMMUNICATION COMPETENCE AMONG NURSING STUDENTS AT DUY TAN UNIVERSITY**

**ABSTRACT**

**Objective:** To assess the attitudes towards learning communication skills, interpersonal communication competence and to identify related factors in nursing students at Duy Tan University. **Method:** The cross-sectional study design was utilized among 219 nursing

---

Tác giả: Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Địa chỉ: Trường Đại học Duy Tân  
Email: honghanhnguyen25@gmail.com

Ngày phản biện: 17/9/2021  
Ngày duyệt bài: 20/9/2021  
Ngày xuất bản: 30/9/2021

students at Duy Tan University in 2021. Data were collected through two self-administered questionnaires, the Communication Skills Attitude Scale (CSAS) and the Interpersonal Communication Competence Scale (ICCS). **Results:** It was found that nursing students had a high average score in the positive attitudes subscale ( $52.4 \pm 6.0$ ), and moderate negative attitudinal scores in the CSAS questionnaire ( $36.9 \pm 8.8$ ). Nursing students were in moderate interpersonal communication competence ( $102.83 \pm 11.59$ ). There were statistically significant differences between academic year, gender, GPA, leadership experience, participation in extracurricular activities, self-taught communication skills, communication standardized training needs, and attitudes towards communication skills ( $p < 0.05$ ). There were statistically significant differences between communication standardized training needs, GPA, and interpersonal communication competence ( $p < 0.05$ ). **Conclusion:** Nursing students had a high positive attitudes and moderate negative attitudes towards learning communication skills. Effective intervention strategies are needed to improve interpersonal communication competence in nursing students.

**Keywords:** Nursing students, attitudes towards learning communication skills, interpersonal communication competence

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giao tiếp là hành động truyền và nhận thông tin giữa người với người thông qua giao tiếp bằng lời nói và không lời [1]. Giao tiếp giữa các cá nhân là một quá trình để truyền đạt ý tưởng, suy nghĩ và cảm xúc của một người cho người khác [2].

Giao tiếp hiệu quả là thành phần không thể thiếu để công tác chăm sóc sức khỏe đạt chất lượng [3]. Điều dưỡng có kỹ năng giao tiếp hiệu quả sẽ mang lại nhiều kết quả tích cực trong chăm sóc sức khỏe như tăng tỷ lệ hồi phục, tăng cảm giác an toàn và được bảo vệ từ đó cải thiện tình trạng tâm lý của người bệnh, nâng cao mức độ hài lòng của người bệnh, sự chăm sóc của Điều dưỡng được đánh giá cao hơn, người bệnh tăng cường phối hợp trong quá trình chăm sóc và tuân thủ điều trị [1,3,4]. Bên cạnh đó, giao tiếp còn hỗ trợ việc thực hiện công việc Điều dưỡng chính xác, nhất quán, dễ dàng, thể hiện sự chuyên nghiệp [4]. Ngoài ra, cải thiện giao tiếp đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ sai sót y khoa [5].

Nếu Điều dưỡng giao tiếp không hiệu quả, đặc biệt đối với kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân sẽ dẫn đến những kết quả không tốt như làm kéo dài thời gian nằm viện và sự không hài lòng của người bệnh, giảm sự phối hợp của người bệnh trong chăm sóc, gây ra sự chậm trễ và hiệu suất làm việc nhóm kém trong chăm sóc người bệnh nặng, lãng phí nguồn lực [3, 5, 6].

Sinh viên điều dưỡng là đối tượng sẽ cùng với nhân viên y tế thực hiện chăm sóc trực tiếp trên người bệnh. Do đó việc sinh viên được thực hành giao tiếp trước khi đi lâm sàng sẽ giúp cải thiện được hiệu quả khi chăm sóc người bệnh và giảm lo sợ ở sinh viên, tăng thêm mối quan hệ giữa các cá nhân như với các nhân viên y tế tại khoa phòng [7]. Thái độ của sinh viên là vấn đề cốt lõi, thái độ tạo điều kiện thuận lợi cho sự thích nghi của một cá nhân với môi trường và thúc đẩy hành vi. Vì vậy, cần phát hiện những sinh viên chưa nhận thấy tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp đối với quá trình đào tạo bao gồm cả lý thuyết và thực hành để hỗ trợ kịp thời [5]. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu còn cho thấy sinh viên

điều dưỡng cần được đào tạo thêm về các kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân [2, 8]. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu trên thế giới đã tìm thấy một số yếu tố liên quan đến việc học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng như tuổi, năm học, giới tính, kết quả học tập, tham gia các hoạt động văn hóa xã hội [5,9,10]. Nghiên cứu của Nguyễn Trung Nam năm 2013 tại Quảng Nam cho thấy có mối liên quan giữa các yếu tố khác như nơi sống, kỹ năng sống của sinh viên Điều dưỡng như sự tự tin, tính hòa đồng, khả năng bắt chuyện, cách chuyển vấn đề, khả năng trình bày với việc học kỹ năng giao tiếp [11]. Nghiên cứu về năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên Điều dưỡng tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy tuổi, tình trạng hôn nhân, nơi sống, đã qua một lớp đào tạo, hoạt động ngoại khóa có mối liên quan đến năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên Điều dưỡng [2,12].

Nhằm cung cấp những thông tin làm cơ sở xây dựng các biện pháp nâng cao thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp của sinh viên điều dưỡng, từ đó giúp sinh viên tự tin hơn và cải thiện việc thực hành lâm sàng chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: *Đánh giá thực trạng thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp, năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan.*

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: Trường Đại học Duy Tân.
- Thời gian: từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021.

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên điều dưỡng đại học chính quy từ năm 1 đến năm 4, Trường Đại học Duy Tân

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu: tính theo công thức ước lượng 1 tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu

$Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$  với độ tin cậy 95% ( $\alpha = 0,05$ )

$p = 0,119$  (tỷ lệ sinh viên điều dưỡng đạt về kỹ năng giao tiếp trong đó có thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân theo nghiên cứu của Jianfei Xie và cộng sự năm 2013 là 11,9%) [2].

d: sai số của nghiên cứu, chọn  $d = 0,045$

Từ đó cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu là  $n = 199$ . Ước lượng khoảng 10% phiếu thu thập không hợp lệ. Vậy cỡ mẫu cuối cùng của nghiên cứu là 219 sinh viên điều dưỡng.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện.

- Mẫu cho nghiên cứu thử nghiệm (pilot study): 30 sinh viên điều dưỡng

### 2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn được lựa chọn và giải thích về mục đích nghiên cứu, mời tham gia nghiên cứu. Sinh viên mất khoảng 15 phút để hoàn thành bộ câu hỏi tự điền.

## 2.6. Công cụ, phương pháp đánh giá

Gồm 2 phần: Phần 1 thu thập các thông tin chung về đối tượng nghiên cứu; phần 2 gồm 2 bộ câu hỏi bao gồm:

Thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp: Bộ câu hỏi Communication Skills Attitude Scale (CSAS) của Trifkovič và cộng sự, 2017 có 26 câu hỏi, bao gồm 2 bộ nhỏ là thái độ tích cực Positive Attitude Scale (PAS) gồm các câu số 4, 5, 7, 9, 10, 12, 14, 16, 18, 21, 22, 23 và 25 và thái độ tiêu cực Negative Attitude Scale (NAS) gồm các câu số 1, 2, 3, 6, 8, 11, 13, 15, 17, 19, 20, 24 và 26. Đánh giá bằng thang điểm likert 5, với 1 là “hoàn toàn không đồng ý” và 5 là “hoàn toàn đồng ý”. Sau khi đảo ngược các giá trị phản hồi của câu số 1 và 22 (4 = 2, 3 = 3, 2 = 4, 1 = 5). Điểm của bộ công cụ được tính riêng thành 2 bộ câu hỏi là PAS và NAS, được tính bằng cách tính tổng các giá trị phản hồi của 13 câu hỏi. Khoảng điểm của mỗi bộ PAS và NAS là 13- 65 điểm. Điểm cao hơn cho thấy thái độ tích cực hoặc tiêu cực mạnh mẽ hơn. Thái độ ở mức thấp (13-30,3 điểm), trung bình (30,4- 47,7 điểm), cao (47,8- 65 điểm). Chỉ số Cronbach’s alpha cho PAS là 0,771 và cho NAS là 0,85.

Năng lực giao tiếp giữa các cá nhân: Bộ câu hỏi Interpersonal Communication Competence Scale (ICCS) của Rubin & Martin, 1994 bao gồm 30 câu hỏi, được đánh giá bằng thang điểm likert 5, với 1 là “hầu như không” và 5 là “luôn luôn”. Bộ câu hỏi được chia thành 10 khía cạnh, mỗi khía cạnh 3 câu, chia theo thứ tự bộ câu hỏi gồm: bộc lộ bản thân (self-disclosure), đồng cảm (empathy), thoải mái khi tương tác xã hội (social relaxation), sự quyết đoán (assertiveness), quản lý tương tác (interaction management), người khác làm trung tâm (altercentrism),

biểu cảm (expressiveness), sự ủng hộ (supportiveness), sự tập trung (immediacy), kiểm soát tình huống (environmental control). Sau khi đảo ngược các giá trị phản hồi của câu số 5, 9, 11, 13, 20 và 30 (4 = 2, 3 = 3, 2 = 4, 1 = 5). Điểm của bộ công cụ được tính tổng điểm của 30 câu. Khoảng điểm là 30 -150 điểm. Điểm càng cao cho thấy năng lực giao tiếp giữa các cá nhân càng tốt. Năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ở mức thấp (30-69 điểm), trung bình (70- 109 điểm), cao (110 – 150 điểm). Chỉ số Cronbach’s alpha cho ICCS là 0,731.

## 2.7. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Một số thuật toán thống kê mô tả được sử dụng. Kiểm định phân phối chuẩn của các biến và kiểm tra sự đồng nhất giữa các phương sai. Sử dụng thống kê t-test và ANOVA kết hợp Post hoc test để phân tích sâu sự khác biệt giữa các nhóm nhằm xác định mối liên quan giữa một số yếu tố với thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp, năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng

## 3. KẾT QUẢ

### 3.1. Thông tin chung của Đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Các thông tin chung của ĐTNC (n=219)**

| Đặc điểm                                     | Lựa chọn       | SL  | %    |
|--|----------------|-----|------|
| Giới tính                                    | Nam            | 29  | 13,2 |
|  | Nữ             | 190 | 86,8 |
| Năm học                                      | Năm 1          | 46  | 21,0 |
|  | Năm 2          | 60  | 27,4 |
|  | Năm 3          | 61  | 27,9 |
|  | Năm 4          | 52  | 23,7 |
| Xếp loại học tập                             | Xuất sắc/ giỏi | 60  | 27,4 |
|  | Khá            | 119 | 54,3 |
|  | Trung bình     | 40  | 18,3 |
| Từng giữ chức vụ trong lớp                   | Có             | 51  | 23,3 |
|  | Không          | 168 | 76,7 |
| Tham gia các hoạt động ngoại khóa            | Có             | 130 | 59,4 |
|  | Không          | 89  | 40,6 |
| Tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp         | Có             | 172 | 78,5 |
|  | Không          | 47  | 21,5 |
| Nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp | Có             | 185 | 84,5 |
|  | Không          | 34  | 15,5 |

Đa số sinh viên là nữ chiếm 86,8%. Trong tổng số 219 sinh viên tham gia nghiên cứu có tỷ lệ sinh viên từ năm 1 đến năm 4 lần lượt là 21%, 27,4%, 27,9%, 23,7%. Phần lớn sinh viên có kết quả học tập loại khá chiếm 54,3%. Chỉ có 23,3% sinh viên đã từng giữ chức vụ trong lớp như lớp trưởng, bí thư. Tỷ lệ khá cao sinh viên có tham gia các hoạt động ngoại khóa của Khoa hoặc Trường chiếm 59,4%. Phần lớn sinh viên có tự tìm hiểu thêm về các kỹ năng giao tiếp (đọc sách, internet...) chiếm 78,5%. Hầu hết sinh viên đều có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp chiếm đến 84,5%.

### 3.2. Thực trạng thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng.

**Bảng 2. Thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng (n=219)**

| Nội dung                      | Khoảng điểm |            | $\bar{X}$ | SD  |
|-------------------------------|-------------|------------|-----------|-----|
|                               | Thực tế     | Tiêu chuẩn |           |     |
| <b>PAS (Thái độ tích cực)</b> | 27 - 65     | 13 - 65    | 52,4      | 6,0 |
| <b>NAS (Thái độ tiêu cực)</b> | 17 - 61     | 13 - 65    | 36,9      | 8,8 |

Sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ở mức cao ( $52,4 \pm 6,0$ ). Sinh viên điều dưỡng có thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình ( $36,9 \pm 8,8$ ).

**Bảng 3. Mô tả chi tiết thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp (n=219)**

| STT                           | Nội dung   | $\bar{X}$ | SD   |
|-------------------------------|--|-----------|------|
| <b>Thái độ tích cực (PAS)</b> |  |           |      |
| 10                            | Việc học kỹ năng giao tiếp đã và sẽ giúp tôi cải thiện khả năng giao tiếp với người bệnh                           | 4,33      | 0,67 |
| 25                            | Học kỹ năng giao tiếp rất quan trọng vì kỹ năng giao tiếp của tôi sẽ được sử dụng suốt cả cuộc đời                 | 4,30      | 0,73 |
| 9                             | Việc học kỹ năng giao tiếp đã và sẽ giúp tôi hình thành những kỹ năng làm việc nhóm                                | 4,29      | 0,69 |
| 22R                           | So với khả năng giao tiếp thì khả năng vượt qua kỳ thi sẽ có ích cho tôi hơn để hoàn thành chương trình Điều dưỡng | 2,42      | 1,00 |
| 12                            | Học kỹ năng giao tiếp khá là vui   | 3,95      | 0,74 |
| 7                             | Việc học kỹ năng giao tiếp khá thú vị  | 4,04      | 0,69 |
| <b>Thái độ tiêu cực (NAS)</b> |  |           |      |
| 17                            | Giảng dạy kỹ năng giao tiếp giống một môn học khoa học tự nhiên  | 3,68      | 1,90 |
| 13                            | Kỹ năng giao tiếp quá đơn giản, cơ bản để học  | 3,28      | 1,05 |
| 20                            | Tôi khó thừa nhận mình gặp một số vấn đề với kỹ năng giao tiếp của mình  | 3,21      | 1,07 |
| 1R                            | Để trở thành một Điều dưỡng giỏi tôi cần có kỹ năng giao tiếp tốt  | 1,56      | 0,77 |
| 2                             | Tôi không nhận thấy lý do vì sao phải học kỹ năng giao tiếp  | 2,26      | 1,13 |
| 19                            | Tôi không cần phải có kỹ năng giao tiếp tốt để trở thành 1 người Điều dưỡng  | 2,54      | 1,27 |

*R: reverse*

Trong các nội dung về thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (PAS) thì 3 nội dung thể hiện thái độ tích cực cao nhất lần lượt là 10 ( $4,33 \pm 0,67$ ), 25 ( $4,30 \pm 0,73$ ) và 9 ( $4,29 \pm 0,69$ ). Ngoài ra, có 3 nội dung thể hiện thái độ tích cực thấp nhất lần lượt là 22 ( $2,42 \pm 1,00$ ), 12 ( $3,95 \pm 0,74$ ) và 7 ( $3,95 \pm 0,74$ ). Trong các nội dung về thái độ tiêu

cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (NAS) thì 3 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực cao nhất lần lượt là 17 ( $3,68 \pm 1,90$ ), 13 ( $3,28 \pm 1,05$ ) và 20 ( $3,21 \pm 1,07$ ). Bên cạnh đó, có 3 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực thấp nhất lần lượt là 1 ( $1,56 \pm 0,77$ ), 2 ( $2,26 \pm 1,13$ ) và 19 ( $2,54 \pm 1,07$ ).

**Bảng 4. Năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng (n=219)**

| Nội dung                       | Khoảng điểm |            | $\bar{X}$ | SD    |
|--------------------------------|-------------|------------|-----------|-------|
|                                | Thực tế     | Tiêu chuẩn |           |       |
| ICCS                           | 72 - 134    | 30 - 150   | 102,83    | 11,59 |
| Bộc lộ bản thân                | 3-15        | 3-15       | 10,04     | 2,51  |
| Đồng cảm                       | 5-15        | 3-15       | 10,14     | 1,63  |
| Thoải mái khi tương tác xã hội | 4-15        | 3-15       | 10,36     | 1,57  |
| Sự quyết đoán                  | 6-14        | 3-15       | 9,16      | 1,39  |
| Quản lý tương tác              | 6-14        | 3-15       | 9,94      | 1,38  |
| Lấy người khác làm trung tâm   | 5-15        | 3-15       | 10,71     | 2,09  |
| Biểu cảm                       | 4-14        | 3-15       | 9,64      | 1,72  |
| Sự ủng hộ                      | 6-15        | 3-15       | 11,59     | 1,66  |
| Sự tập trung                   | 5-15        | 3-15       | 11,22     | 1,93  |
| Kiểm soát tình huống           | 6-15        | 3-15       | 10,02     | 1,64  |

Sinh viên điều dưỡng có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ở mức trung bình ( $102,83 \pm 11,59$ ). Trong tất cả 10 khía cạnh của năng lực giao tiếp giữa các cá nhân, 3 khía cạnh sinh viên có kỹ năng tốt nhất lần lượt là sự ủng hộ ( $11,59 \pm 1,66$ ), sự tập trung ( $11,22 \pm 1,93$ ) và lấy người khác làm trung tâm ( $11,22 \pm 1,93$ ). Bên cạnh đó, 3 khía cạnh sinh viên có kỹ năng kém nhất lần lượt là sự quyết đoán ( $9,16 \pm 1,39$ ), biểu cảm ( $9,64 \pm 1,72$ ), quản lý tương tác ( $9,94 \pm 1,38$ ).

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng.**

**Bảng 5. Yếu tố liên quan đến thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp (n=219)**

| Nội dung                                     |                | $\bar{X}$ | SD   | F                   | p     |
|--|----------------|-----------|------|---------------------|-------|
| <b>Thái độ tích cực (PAS)</b>                |                |           |      |                     |       |
| Tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp         | Có             | 53,1      | 5,8  | 3,510 <sup>a</sup>  | 0,001 |
|  | Không          | 49,7      | 6,0  |                     |       |
| Nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp | Có             | 52,9      | 5,9  | 3,200 <sup>a</sup>  | 0,002 |
|  | Không          | 49,4      | 5,8  |                     |       |
| <b>Thái độ tiêu cực (NAS)</b>                |                |           |      |                     |       |
| Giới tính                                    | Nam            | 40,7      | 10,9 | 2,118 <sup>a</sup>  | 0,042 |
|  | Nữ             | 36,2      | 8,3  |                     |       |
| Năm học                                      | Năm 1          | 34,4      | 8,2  | 2,960 <sup>b</sup>  | 0,033 |
|  | Năm 2          | 38,9      | 9,4  |                     |       |
|  | Năm 3          | 35,7      | 7,2  |                     |       |
|  | Năm 4          | 38,0      | 9,6  |                     |       |
| Xếp loại học tập                             | Xuất sắc/ giỏi | 34,2      | 6,9  | 4,684 <sup>b</sup>  | 0,010 |
|  | Khá            | 37,3      | 9,0  |                     |       |
|  | Trung bình     | 39,5      | 9,7  |                     |       |
| Từng giữ chức vụ trong lớp                   | Có             | 34,6      | 9,4  | -2,043 <sup>a</sup> | 0,042 |
|  | Không          | 37,5      | 8,5  |                     |       |
| Tham gia các hoạt động ngoại khóa            | Có             | 35,7      | 8,0  | -2,213 <sup>a</sup> | 0,028 |
|  | Không          | 38,5      | 9,6  |                     |       |
| Tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp         | Có             | 36,2      | 8,8  | -2,059 <sup>a</sup> | 0,041 |
|  | Không          | 39,2      | 8,5  |                     |       |
| Nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp | Có             | 36,2      | 8,8  | -2,505 <sup>a</sup> | 0,013 |
|  | Không          | 40,3      | 8,1  |                     |       |

*a: t- test, b: one way Anova & Post hoc test*



Tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp và nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có mối liên quan với thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên điều dưỡng tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp (đọc sách, internet...), có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp thì có thái độ tích cực hơn các sinh viên khác.

Năm học có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên năm 1 có thái độ tiêu cực thấp nhất. Xếp loại học tập có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên xếp loại trung bình và khá có thái độ tiêu cực hơn sinh viên xếp loại giỏi/ xuất sắc. Giới tính có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên nam có thái độ tiêu cực hơn nữ về kỹ năng giao tiếp. Các yếu tố gồm giữ chức vụ trong lớp, tham gia các hoạt động ngoại khóa, tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp, nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên không từng giữ chức vụ trong lớp, không tham gia các hoạt động ngoại khóa, không có thói quen tự tìm hiểu về các kỹ năng giao tiếp, không có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có thái độ tiêu cực hơn đối với việc học kỹ năng giao tiếp.

**Bảng 6. Yếu tố liên quan đến năng lực giao tiếp giữa các cá nhân (n=219)**

| Các yếu tố                                   | ISSC           |       |      |                    |       |
|--|----------------|-------|------|--------------------|-------|
|  | $\bar{X}$      | SD    | F    | p                  |       |
| Xếp loại học tập                             | Xuất sắc/ giỏi | 99,6  | 10,3 |                    |       |
|  | Khá            | 104,2 | 11,6 | 3,278 <sup>b</sup> | 0,040 |
|  | Trung bình     | 103,4 | 12,5 |                    |       |
| Nhu cầu học bài bản về các kỹ năng giao tiếp | Có             | 103,6 | 11,5 |                    |       |
|  | Không          | 98,6  | 11,4 | 2,327 <sup>a</sup> | 0,021 |

*a: t- test, b: one way Anova & Post hoc test*

Xếp loại học tập có mối liên quan với năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ( $p < 0,05$ ), trong đó sinh viên điều dưỡng có kết quả học tập xếp loại khá có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân cao hơn sinh viên có kết quả học tập xếp loại giỏi/ xuất sắc. Nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có mối liên quan với năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ( $p < 0,05$ ). Sinh viên điều dưỡng có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân tốt hơn.

#### 4. BÀN LUẬN

##### 4.1. Thực trạng thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng

Nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (PAS) ở mức cao 52,4/ 65 và thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (NAS) ở mức trung bình 36,9/ 65. Kết quả này giống với một số nghiên cứu khác. Nghiên cứu của Škodová năm 2017 trên 227 sinh viên điều dưỡng tại Cộng hòa Slovakia cho thấy sinh viên có thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp với điểm trung bình PAS cao và điểm trung bình NAS ở mức trung bình [13]. Nghiên cứu của Klavdija năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Đại học Maribor, Slovenia cho thấy kết quả tương tự sinh viên điều dưỡng có thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp khá tốt với điểm trung bình PAS là 52,8/ 65, điểm trung bình NAS là 32,7/ 65 [5]. Nghiên cứu khác của tác giả Berrin năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Thổ Nhĩ Kỳ cũng cho thấy sinh viên có thái độ tốt đối với việc học kỹ năng giao tiếp ở tất cả các năm học từ năm 1 đến năm 4 [9]. Sự giống nhau có thể do các nghiên cứu đều thực hiện trên cùng đối tượng là sinh viên điều dưỡng đại học, có định hướng đào tạo khá giống nhau.

Có 3 nội dung thể hiện thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (PAS) cao nhất lần lượt là 10, 25 và 9. Nghiên cứu của Škodová năm 2017 trên 227 sinh viên điều dưỡng tại Cộng hòa Slovakia và của Miligi năm 2015 trên 186 sinh viên điều dưỡng tại Saudi Arabia cũng cho thấy kết quả khá tương tự với 2 nội dung thể hiện thái độ tích cực cao nhất là 10 và 9 [10,13]. Ngoài ra,

có 3 nội dung thể hiện thái độ tích cực thấp nhất lần lượt là 22, 12 và 7. Nghiên cứu của Škodová năm 2017 tại Cộng hòa Slovakia cũng cho thấy trong 2 nội dung thể hiện thái độ tích cực thấp nhất cũng có 1 nội dung giống là 12 và 1 nội dung khác với nghiên cứu hiện tại là 18 - học kỹ năng giao tiếp thực sự là ý tưởng hay đối với Điều dưỡng [13]. Nghiên cứu của Miligi năm 2015 tại Saudi Arabia cho thấy trong 2 nội dung thể hiện thái độ tích cực thấp nhất cũng có 1 nội dung giống là 22, 1 nội dung khác với nghiên cứu hiện tại là 23 - học kỹ năng giao tiếp có thể ứng dụng được cho việc học chuyên môn Điều dưỡng [10].

Có 3 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp (NAS) cao nhất lần lượt là 17, 13 và 20. Nghiên cứu của Škodová năm 2017 tại Cộng hòa Slovakia cho thấy kết quả khá tương tự, trong 2 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực cao nhất có 1 nội dung giống là 17 và 1 nội dung khác với nghiên cứu hiện tại là 11 - giảng dạy kỹ năng giao tiếp cung cấp những nội dung đơn giản nhưng lại muốn làm phức tạp hóa nó [13]. Nghiên cứu của Miligi năm 2015 tìm thấy 2 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực cao nhất hoàn toàn khác nghiên cứu hiện tại là 1-để trở thành một Điều dưỡng giỏi tôi cần có kỹ năng giao tiếp tốt và 26 -việc học kỹ năng giao tiếp nên dành cho sinh viên tâm lý học, không phải sinh viên điều dưỡng [10]. Ngoài ra, có 3 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực thấp nhất lần lượt là 1, 2 và 19. Nghiên cứu của Škodová năm 2017 tại Cộng hòa Slovakia và của Miligi năm 2015 tại Saudi Arabia cũng cho thấy kết quả khá tương tự với 2 nội dung thể hiện thái độ tiêu cực thấp nhất là 10 và 9 [10, 13].

Nghiên cứu còn cho thấy sinh viên điều dưỡng có năng lực giao tiếp giữa các cá

nhân ở mức trung bình. Kết quả này cho thấy rằng sinh viên cần đào tạo thêm về kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân. Một số nghiên cứu cũng cho thấy nhu cầu tương tự ở sinh viên điều dưỡng. Nghiên cứu của Shahjooie năm 2014 trên 300 sinh viên điều dưỡng tại Đại học Azad, Iran cho thấy có 52% sinh viên có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân kém [8]. Cũng tìm thấy kết quả tương tự ở nghiên cứu của Namazi năm 2017 tại Iran trên 347 sinh viên điều dưỡng và Hộ sinh cho thấy 57,3% sinh viên có vấn đề về giao tiếp giữa các cá nhân [14]. Nghiên cứu của Jianfei Xie năm 2013 trên 312 sinh viên điều dưỡng tại 22 trường tại Trung Quốc cho thấy có 88,1% sinh viên cần phải được đào tạo thêm về các kỹ năng giao tiếp, trong đó có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân [2]. Sự giống nhau có thể do chưa có số liệu cho thấy các Trường đã tổ chức các lớp đào tạo bài bản về kỹ năng giao tiếp, tỷ lệ sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa chưa cao. Tuy nhiên cũng có một số nghiên cứu cho kết quả tích cực về kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng. Nghiên cứu khác của Santos năm 2019 trên 1079 sinh viên điều dưỡng tại các Trường Đại học ở Brazil cho thấy kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên ở mức độ tốt với điểm trung bình là 63,74 [12]. Một nghiên cứu khác của Priyalatha năm 2018 trên 201 sinh viên điều dưỡng tại Ả Rập cho thấy có đến 80,7% sinh viên có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân ở mức tốt và xuất sắc [15].

Trong nghiên cứu hiện tại có tất cả 10 khía cạnh của năng lực giao tiếp giữa các cá nhân, khía cạnh sinh viên có kỹ năng kém nhất là sự quyết đoán. Khác với kết quả này, nghiên cứu của Santos năm 2019 trên 1079 sinh viên điều dưỡng tại các Trường Đại học ở Brazil cho thấy sinh viên có kỹ năng kém nhất ở khía cạnh kiểm soát

tình huống [12]. Một nghiên cứu khác của Priyalatha năm 2018 trên 201 sinh viên điều dưỡng tại Ả Rập cho thấy sinh viên hầu như đều có kết quả tốt ở tất cả các khía cạnh của kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân [15].

#### **4.2. Một số yếu tố liên quan đến thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng**

Nghiên cứu tìm thấy giới tính có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp NAS. Sinh viên nam có thái độ tiêu cực hơn nữ đối với việc học kỹ năng giao tiếp. Kết quả này khá tương tự với nghiên cứu của Klavdija năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Đại học Maribor, Slovenia cho thấy sinh viên nữ có thái độ tích cực hơn và ít tiêu cực hơn (điểm trung bình PAS 53,0; điểm trung bình NAS 32,4) đối với kỹ năng giao tiếp so với học sinh nam (điểm trung bình PAS 51,0; điểm trung bình NAS 35,5) [5].

Ngoài ra, yếu tố năm học có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp NAS. Sinh viên năm 1 có thái độ tiêu cực thấp nhất. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Miligi năm 2015 trên 186 sinh viên điều dưỡng tại Saudi Arabia và của tác giả Berrin năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy có mối liên quan giữa năm học và thái độ *đối với việc học* kỹ năng giao tiếp [9, 10]. Khác với kết quả này, nghiên cứu của Klavdija năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Đại học Maribor, Slovenia cho thấy sinh viên năm thứ nhất có thái độ tiêu cực cao nhất [5]. Sự khác nhau có thể do cách tiếp cận với sinh viên Điều dưỡng năm 1 khác nhau giữa các nước, sinh viên tại Đại học Duy Tân được học các môn kỹ năng mềm và hướng nghiệp ngay từ đầu nên việc hình thành thái độ đối với việc học kỹ năng giao

tiếp tích cực hơn.

Xếp loại học tập có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp NAS. Sinh viên xếp loại trung bình và khá có thái độ tiêu cực hơn sinh viên xếp loại giỏi/ xuất sắc. Kết quả này giống với nghiên cứu khác của Miligi năm 2015 trên 186 sinh viên điều dưỡng tại Saudi Arabia cho thấy có mối liên quan giữa kết quả học tập và thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp [10].

Tham gia các hoạt động ngoại khóa có mối liên quan với thái độ tiêu cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp NAS. Sinh viên không tham gia các hoạt động ngoại khóa có thái độ tiêu cực hơn về kỹ năng giao tiếp. Kết quả này khác với nghiên cứu của Berrin năm 2017 trên 342 sinh viên điều dưỡng tại Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy không có mối liên quan giữa việc sinh viên có tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội với thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp [9]. Sự khác nhau có thể do nghiên cứu của Berrin tìm hiểu mối liên quan giữa tham gia các hoạt động với thái độ chung đối với việc học kỹ năng giao tiếp mà không phân tích thành thái độ tích cực và tiêu cực như nghiên cứu hiện tại.

Bên cạnh đó, nghiên cứu hiện tại đã tìm thấy được 2 yếu tố liên quan khác đến năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng. Xếp loại học tập và nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có mối liên quan với năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng. Trong đó, sinh viên có kết quả học tập xếp loại khá có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân cao hơn sinh viên có kết quả học tập xếp loại giỏi/ xuất sắc, sinh viên có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân

nhân tốt hơn.

## 5. KẾT LUẬN

Sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực ở mức cao và thái độ tiêu cực ở mức trung bình đối với việc học kỹ năng giao tiếp. Sinh viên điều dưỡng có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân ở mức trung bình. Tìm thấy mối liên quan giữa một số yếu tố và thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp, năng lực giao tiếp giữa các cá nhân của sinh viên điều dưỡng. Sinh viên tự tìm hiểu, có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp thì có thái độ đối với việc học kỹ năng giao tiếp tích cực hơn và ít tiêu cực hơn các sinh viên khác. Sinh viên năm 1 có thái độ tiêu cực thấp nhất. Sinh viên xếp loại trung bình và khá có thái độ tiêu cực hơn loại giỏi/ xuất sắc. Sinh viên nam có thái độ tiêu cực hơn nữ. Sinh viên không từng giữ chức vụ trong lớp, không tham gia các hoạt động ngoại khóa có thái độ tiêu cực hơn những sinh viên khác. Sinh viên có kết quả học tập xếp loại khá có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân cao hơn loại giỏi/ xuất sắc. Sinh viên có nhu cầu được học bài bản về các kỹ năng giao tiếp có năng lực giao tiếp giữa các cá nhân tốt hơn.

Cần tổ chức những lớp đào tạo bao gồm lý thuyết và thực hành về kỹ năng giao tiếp trong y tế để duy trì thái độ tích cực đối với việc học kỹ năng giao tiếp và nâng cao năng lực giao tiếp giữa các cá nhân cho sinh viên Điều dưỡng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa (2017). Bài giảng kỹ năng giao tiếp dành cho nhân viên y tế. NXB Y học, Hà Nội.
2. Xie J., Ding S., Wang C., Liu A (2013). An evaluation of nursing students'

- communication ability during practical clinical training. *Nurse Education Today*; 33: 823–827.
3. Tetteh L. et al (2020). Burns pain management in Ghana: The role of nursepatient communication. *Burns*; 63(1): 1-8.
  4. Kourkouta L., Papathanasiou I.V (2014). Communication in Nursing Practice. *Communication in Nursing Practice*; 26(1): 65-67.
  5. Trifkovič K. C. et al (2017). Attitudes of Nursing Students Towards Learning Communication Skills. *Teaching and Learning in Nursing*: 1-15.
  6. Wunea G., Ayalewb Y., Hailub A., Gebretensaye T (2020). Nurses to patients communication and barriers perceived by nurses at Tikur Anbessa Specilized Hospital, Addis Ababa, Ethiopia 2018. *International Journal of Africa Nursing Sciences*;12: 1-5.
  7. Novita, R.V.T (2017). A Systematic Review: Evaluating Communication Skill of Nursing Students at Class or Practical Area. *International Journal of Sciences: Basic and Applied Research*; 35(3): 270-299.
  8. Shahjooie J., Ebrahimi (2014). Relationship between critical thinking and interpersonal communication skills in nursing students of Azad University Tehran medical Branch. *Journal of Nursing Education*; 3(3): 13-21.
  9. Berrin P., Demiralp B. M., İmren (2017). The Communication Skills and The Empathic Tendency Levels of Nursing Students: A CrossSectional Study. *Contemporary Nurse*; 5(55): 1-27.
  10. Miligi E. S (2015). Assessment of Nursing student's Attitude toward Learning Communication Skill at KingSaud bin Abdul-Aziz University for Health Science- College of nursing Riyadh. *Journal of Nursing and Health Science*; 4(6): 75-81.
  11. Nguyễn Trung Nam, Nguyễn Văn Thắng, Lora Claywell (2013). Những yếu tố ảnh hưởng đến học tập kỹ năng giao tiếp của sinh viên Điều dưỡng. *Y Học TP. Hồ Chí Minh*; 17(4): 242- 247.
  12. Santos J. L. G et al (2019). Interpersonal communication competence among nursing students. *Revista Latino Americana de Enfermagem*; 27: 1-8.
  13. Škodová Z., Bánovčinová L., Bánovčinová A (2017). Attitudes towards communication skills among nursing students and its association with sense of coherence. *Kontakt*; 160: 1-6.
  14. Namazi A., Homauonfar H (2017). Assessment of Interpersonal Communication Skills and Related Factors in Nursing and Midwifery Students. *Journal of Health Based Research*; 2(4): 369-380.
  15. Priyalatha M., Zaidi H., Nair M (2018). Interpersonal communication competency among undergraduate nursing students. *Journal of Research & Method in Education*; 8(3): 55-58.